

Số : 3993/UBND-KTTH

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 10 năm 2018

V/v xác định nhu cầu và nguồn
kinh phí điều chỉnh mức lương
cơ sở năm 2018

Kính gửi : - Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Thông tư số 68/2018/TT-BTC ngày 06.8.2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.

Để phù hợp với thực tế của địa phương, cùng với việc thực hiện Thông tư số 68/2018/TT-BTC, UBND tỉnh Bắc Ninh quy định một số nội dung trong việc xác định nguồn kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở năm 2018 như sau:

I. Xác định nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương

- Nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP được xác định căn cứ vào tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm ngày 01.7.2018, nhưng không vượt quá tổng số biên chế công chức, viên chức và người lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt năm 2018).

- Hỗ trợ kinh phí để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã; phụ cấp tăng thêm đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố theo mức khoán tại Quyết định số 285/2014/QĐ-UBND ngày 26.4.2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

- Nhu cầu kinh phí điều chỉnh trợ cấp tăng thêm cho cán bộ xã nghỉ việc được xác định căn cứ vào số đối tượng thực có mặt tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2018, mức trợ cấp tăng thêm quy định tại Điều 2 Nghị định số 88/2018/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 08/2018/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

II. Nguồn thực hiện cải cách tiền lương

1. Đối với các đơn vị dự toán cấp tỉnh và cấp huyện

a) Nguồn CCTL kì trước chưa sử dụng hết chuyển sang.

b) Nguồn thu được để lại theo chế độ:

- Đối với cơ quan hành chính: sử dụng tối thiểu 40% số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí) được để lại theo chế độ;

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên:

+ Đối với số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí) thì sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

+ Đối với số thu học phí chính quy: sử dụng tối thiểu 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu học phí (bao gồm cả kinh phí được ngân sách nhà nước cấp bù học phí theo quy định).

+ Đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của các cơ sở y tế công lập: chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao trực tiếp phục vụ cho người bệnh; chi phí điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường; chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ và chi phí tiền lương, phụ cấp đã kết cấu trong giá).

+ Đối với số thu dịch vụ, các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác: sử dụng tối thiểu 40% số thu từ các hoạt động trên sau khi loại trừ các chi phí trực tiếp đã tính vào giá dịch vụ cho các hoạt động này và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

c) Nguồn tiết kiệm chi do thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20.11.2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội được xác định theo số biên chế được tinh giản nhân với 10 triệu đồng/tháng nhân với số tháng còn lại trong năm kể từ thời điểm tinh giản.

d) Chênh lệch thiếu ngân sách bổ sung.

2. Đối với các cấp ngân sách

a) Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2018 tăng thêm so với dự toán năm 2017 theo Quyết định của UBND tỉnh giao.

b) 50% tăng thu ngân sách cấp huyện, cấp xã (không kể tăng thu tiền sử dụng đất) thực hiện năm 2017 so với dự toán năm 2017 tỉnh giao.

c) Sử dụng các nguồn thu được để lại theo chế độ quy định của đơn vị tại điểm b, khoản 1 nêu trên.

d) Nguồn tiết kiệm chi do thực hiện chính sách tinh giản biên chế xác định theo điểm c khoản 1 phần I.

e) Các nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ năm 2017 trở về trước chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2018.

f) Chênh lệch thiếu ngân sách cấp trên bổ sung.

3. Báo cáo nhu cầu và nguồn kinh phí

Các đơn vị thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số Nghị định số 88/2018/NĐ-CP (theo biểu mẫu đính kèm) gửi về Sở Tài chính trước ngày 25/10/2018 để tổng hợp trình UBND tỉnh bổ sung kinh phí.

4. Đối với cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 còn dư lớn và có nhu cầu sử dụng thì đề xuất phương án sử dụng báo cáo đơn vị dự toán cấp 1 (đối với ngân sách cấp tỉnh) và báo cáo UBND cấp huyện (đối với đơn vị cấp huyện, cấp xã) tổng hợp gửi Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định; đồng thời phải cam kết tự bảo đảm nguồn kinh phí của cơ quan, đơn vị để điều chỉnh tiền lương tăng thêm theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết. / *The*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- Lưu : VT, KTTH, PVPKTTH, CVP .



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tử Quỳnh